|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN  **TRƯỜNG ………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU**(1)

(Ngày 05 tháng 3 năm 2021) (2)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ***NGUYỄN THỊ A;***  Ngày tháng năm sinh: ***01/01/1972***

- Chức vụ/chức danh công tác: ***Hiệu trưởng***

- Cơ quan/đơn vị công tác: ***Trường mầm non ………, quận Long Biên.***

- Nơi thường trú: ***Tổ B, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.***

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(3): ***00108200AAAA***

Ngày cấp: ***07/3/2017***  Nơi cấp: ***Cục cảnh sát QLHC về TTXH***

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ***NGUYỄN VĂN B***  Ngày tháng năm sinh: ***24/6/1970***

- Nghề nghiệp: ***Làm việc tự do***

- Nơi làm việc(4): ***Tổ B, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.***

- Nơi thường trú: ***Tổ B, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.***

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(3): ***0127394AA***

Ngày cấp: ***14/3/2018;*** Nơi cấp: ***Công an thành phố Hà Nội***

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: ***Nguyễn Thị D***  Ngày tháng năm sinh: ***05/6/2014***

- Nơi thường trú: ***Tổ B, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.***

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: ***Nguyễn Thị E*** Ngày tháng năm sinh: ***09/10/2017***

- Nơi thường trú: ***Tổ B, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.***

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN(5)**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất(6):

1.1. Đất ở(7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ(8): ***Tổ B - Phường Long Biên - Quận Long Biên - thành phố Hà Nội.***

- Diện tích: ***67,9 m2***

- Giá trị(10): ***1.000.000.000đ (một tỷ đồng)***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): ***Số BT1234BBB Người đứng tên: Nguyễn Văn B***

- Thông tin khác (nếu có): ***Đang cho thuê kinh doanh Vật liệu xây dựng***

1.1.2. Thửa đất thứ hai:

- Địa chỉ(8) : ***Thôn 1 - Xã B - Huyện C - thành phố Hà Nội.***

- Diện tích(9): ***620m2***

- Giá trị(10): ***1.000.000.000đ (một tỷ đồng)***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): ***Số VBBBBBB Người đứng tên: Nguyễn Văn B***

- Thông tin khác (nếu có):

1.1.3. Thửa đất thứ ba:

- Địa chỉ(8): ***Số A, Tổ C, Phường Giang Biên - Quận Long Biên - thành phố Hà Nội.***

- Diện tích(9): ***131,7 m2***

- Giá trị(10): ***3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng)***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): ***Số CS888888 Người đứng tên: Nguyễn Văn B và vợ là Nguyễn Thị A***

- Thông tin khác (nếu có):

1.1.4. Thửa đất thứ tư:

- Địa chỉ(8): ***Thôn K, xã E - huyện D - thành phố Hải Dương***

- Diện tích(9): ***90,3 m2***

- Giá trị(10): ***không xác định được giá trị do được bố mẹ cho từ năm 2010 và không có giao dịch tài sản.***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): ***AB165643 Người đứng tên: Nguyễn Văn B và vợ là Nguyễn Thị A***

- Thông tin khác (nếu có):

1.2. Các loại đất khác: (13)

- Địa chỉ(8): ***Tổ X, phường Ngọc Thuỵ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.***

- Diện tích(9): ***2110 m2 (đất trồng cây lâu năm)***

- Giá trị(10): ***2.260.000.000đ (Hai tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng)***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): ***DA123577 Người đứng tên: Nguyễn Văn B và vợ là Nguyễn Thị A***

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ(8): ***Số 17, tổ B, Phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội***

- Loại nhà: ***Nhà ở riêng lẻ***

- Diện tích sử dụng (15): 150 m2 (***50m2 x 3 tầng)***

- Giá trị(10): ***1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng)***

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ(8): ***Nhà số 1602, tầng 16,*** ***Khu Sao Biển, Vinhome Ocean Park, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội***

- Loại nhà: ***Căn hộ***

- Diện tích sử dụng (15): ***100 m2***

- Giá trị(10): ***3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng chẵn)***

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ***Số BT966853 Người đứng tên: Nguyễn Văn B***

- Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác (16)

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ***Nhà thờ họ*** Địa chỉ: ***Thôn K, xã E - huyện D - thành phố Hải Dương***

- Loại công trình: ***Công trình dân dụng*** Cấp công trình: ***Cấp 4***

- Diện tích: ***100 m2***

- Giá trị: ***1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng)***

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

3. Tài sản khác gắn liền với đất(17):

3.1. Cây lâu năm(18):

- Loại cây: ***Nhãn*** Số lượng: ***10*** Giá trị(10): ***Không xác định được giá trị do trồng đã lâu và không có giao dịch tài sản***

- Loại cây: ***Bưởi da xanh*** Số lượng: ***200*** Giá trị(10): ***600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng)***

3.2. Rừng sản xuất(19): ***Không***

- Loại rừng:..................... Diện tích:......................... Giá trị(10): ...................

- Loại rừng:..................... Diện tích:......................... Giá trị(10): ...................

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ***Nhà sơ chế sản phẩm*** Số lượng: ***01*** Giá trị(10): ***200.000.000 (Hai trăm triệu đồng)***

- Tên gọi: ***Giếng nước*** Số lượng: ***05*** Giá trị(10): ***10.000.000 (Mười lăm triệu đồng)***

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20):

***- Vàng 24K: 10 lượng***

***- Nhẫn kim cương: 01 chiếc kích thước viên 5,4 ly***

***Tổng giá trị ước tính: 590.000.000 (Năm trăm chín mươi triệu đồng)***

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21): ***1.000.000.000đ (1 tỷ đồng).***

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ***FLC*** Số lượng: ***10.000*** Giá trị: ***120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu đồng)***

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ***Vset Group*** Số lượng: ***1*** Giá trị: ***50.000.000 (Năm mươi triệu đồng)***

6.3. Vốn góp(22):

- Hình thức góp vốn: ***Góp vốn đầu tư kinh doanh trực tiếp bằng tiền mặt*** ***tại nhà hàng Hương Việt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*** Giá trị: ***500.000.000 (Năm trăm triệu đồng)***

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác(23): ***Không***

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)(24):

- Tên tài sản***: Ô tô Hyundai Tucson Số đăng ký: 30K - 710.86 Giá trị: 1.000.000.000đ (1 tỷ đồng).***

- Tên tài sản: ***Xe máy SH; Số đăng ký: 30M - 710.55; Giá trị: 105.000.000đ (Một trăm linh lăm triệu đồng).***

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác(25):

***- Tên tài sản: Bàn ghế gỗ sưa*** Năm bắt đầu sở hữu: ***2000*** Giá trị: ***500.000.000 (Năm trăm triệu đồng)***

8. Tài sản ở nước ngoài(26): ***Không***

9. Tài khoản ở nước ngoài(27):

- Tên chủ tài khoản: Nguyễn Thị A, số tài khoản: A134536AAA

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: ***Australia and New Zealand Banking Group Limited, chi nhánh Australia.***

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28):

- Tổng thu nhập của người kê khai: ..................................\..........................

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): ..............................\..........................

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: ........................\..........................

- Tổng các khoản thu nhập chung: ................................ ...\..........................

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại tài sản, thu nhập** | **Tăng (30)/giảm (31)** | | **Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập** |
| **Số lượng tài sản** | **Giá trị tài sản, thu nhập** |  |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất  1.1. Đất ở  1.2. Các loại đất khác  2. Nhà ở, công trình xây dựng  2.1. Nhà ở  2.2. Công trình xây dựng khác  3. Tài sản khác gắn liền với đất  3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất  3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất  4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên  5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.  6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):  6.1. Cổ phiếu  6.2. Trái phiếu  6.3. Vốn góp  6.4. Các loại giấy tờ có giá khác  7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:  7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).  7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).  8. Tài sản ở nước ngoài.  9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32). |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Long Biên, ngày 12 tháng 3 năm2021*  **NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)* | *Long Biên, ngày tháng 3 năm 2021*  **NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*  Nguyễn Thị A |